

Bản án số: 25/2024/HNGĐ – ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2024.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phàng Thị Cở;

2. Bà Trần Thị Trúc;

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 54/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cừ Thị M, sinh ngày 10/11/1977.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng A D, sinh ngày 11/12//1976.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã D, huyện Bt, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: chị Thảo Thị Ché.

Địa chỉ: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 12/6/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Cừ Thị M trình bày:

Chị và anh Sùng A D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn. Sau khi về ở với nhau vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh De có công việc làm và thu nhập ổn định nhưng thường xuyên không về nhà, không quan tâm đến vợ và việc nuôi dạy con, mỗi lần anh De về nhà là lại gây sự đánh đập vợ con. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thể khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được 02 người con chung, cháu lớn là Sùng A Dính, sinh ngày 21/8/1998, cháu nhỏ Sùng Văn Th, sinh ngày 06/9/2013. Đối với cháu Sùng A D đã trưởng thành, lấy vợ và ra ở riêng vì vậy chị không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, đối với cháu Sùng A Thắng, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Th. Chị yêu cầu anh De cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Thắng trưởng thành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2024 chị đã thay đổi nội dung khởi kiện về việc nuôi con chung, do chị không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên chị để anh De nuôi cháu Thắng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong thời gian chung sống anh chị không nợ ai và không cho ai vay.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Sùng A D trình bày:

Anh và chị Cừ Thị M về ở với nhau từ năm 1994, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn, hai vợ chồng sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Cừ Thị M ghen tuông vô cớ, dẫn đến cãi nhau, nhiều lần anh em, họ hàng, cơ quan đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà thậm chí trầm trọng hơn. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Mỷ sinh được hai người con chung đúng như chị Mỷ đã khai, hiện cháu Sùng A Dính đã trưởng thành, lấy vợ và ra ở riêng vì vậy anh không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Sùng A Thắng, khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu, không yêu cầu chị Mỷ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Trong quá trình chung sống anh và chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bát Xát số tiền 50.000.000 đồng, anh đề

ngợi Tòa án giải quyết chia đôi số nợ mỗi người trả ½. Đến ngày 01/7/2024 anh có đơn đề nghị Tòa án không giải quyết khoản nợ này.

Đối với vụ án này do anh, chị không đăng ký kết hôn, vì vậy không hòa giải về quan hệ hôn nhân, Tòa án đã hòa giải về việc nuôi con, tại biên bản Hòa giải ngày 09/7/2024 chị Cù Thị M và anh Sùng A D đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cù Thị M và anh Sùng A D. Về con công nhận sự thỏa thuận của anh, chị về con chung, anh Sùng A D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cháu Sùng A Th, sinh ngày 06/9/2013 cho đến khi trưởng thành. Chị Cù Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí chị Cù Thị M phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Sùng A D có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Cù Thị M và anh Sùng A D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả hai anh, chị.

[2] Xét về nội dung khởi kiện: Chị Cù Thị M và anh Sùng A D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 qui định “*nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ*

chồng”. Từ sau ngày 01/01/2003 đến nay anh, chị không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: “Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định “ Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ chồng”. Như vậy hôn nhân giữa chị Cù Thị M và anh Sùng A D không có giá trị pháp lý, không được pháp luật bảo vệ, nay anh, chị phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều đồng ý ly hôn, tuy nhiên do anh, chị không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ, chồng vì vậy không công nhận sự thỏa thuận của anh chị, Hội đồng xét xử tuyên, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cù Thị M và anh Sùng A D là phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con: Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được 02 người con chung, con lớn là Sùng A D, sinh ngày 21/8/1998, cháu nhỏ Sùng Văn Th, sinh ngày 06/9/2013. Đối với cháu Sùng A D đã trưởng thành, lấy vợ và ra ở riêng vì vậy anh, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Sùng A Thắng, tại biên bản Hòa giải ngày 09/7/2024 chị Cù Thị M và anh Sùng A D đã thỏa thuận được về người nuôi con, cụ thể anh Sùng A D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A Th đến tuổi trưởng thành. Xét thấy cháu Sùng A Thắng khi được hỏi ý kiến cũng muốn ở với bố, bản thân anh Sùng A D là giáo viên, có thu nhập ổn định, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng A D không yêu cầu chị Cù Thị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Cù Thị M và anh Sùng A D không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết.

Về khoản nợ chung 50.000.000 đồng mà anh Sùng A D đưa ra, do anh Sùng A D đã có đơn đề nghị Tòa án không giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Chị Cù Thị M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cù Thị M và anh Sùng A D.

2. Về con: Công nhận sự thỏa thuận của chị Cù Thị M và anh Sùng A D như sau:

Anh Sùng A D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Văn Thắng, sinh ngày 06/9/2013 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Cù Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cù Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000668 ngày 14 tháng 6 năm 2024. Chị Cù Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát (2);
- UBND xã Dền Thàng;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

